

Big 4 ngân hàng hạ lãi suất tiết kiệm kéo theo 14 ngân hàng thương mại cổ phần cùng thực hiện

07:18 14/12/2023

Từ đầu tháng 12 đến nay, Big 4 ngân hàng hạ lãi suất tiết kiệm kéo theo 14 ngân hàng thương mại cổ phần cũng thực hiện theo là HDBank, Techcombank, Eximbank, KienLongBank, SCB, PGBank, MB, MSB, NamA Bank, ABBank, Vietcombank, BIDV, Agribank và VietBank.

Hoạt động giảm lãi suất của Big 4:

Agribank vừa điều chỉnh lãi suất các khoản tiền gửi trực tuyến giảm đến 0,5%/năm. Đây cũng là lần hiếm hoi Agribank giảm mạnh lãi suất huy động như vậy. Theo đó, lãi suất tại ngân hàng này ở kỳ hạn 01-02 tháng giảm 0,5%/năm về mức 2,7%/năm, kỳ hạn 03-05 tháng giảm 0,3%/năm còn 3,3%/năm. Kỳ hạn 06-11 tháng còn 4,2%/năm, 12-18 tháng giảm 0,3%/năm còn 5%/năm.



Big 4 ngân hàng hạ lãi suất tiết kiệm kéo theo 14 ngân hàng thương mại cổ phần cùng thực hiện. Ảnh minh họa, nguồn internet.

Ngân hàng **BIDV** hôm nay cũng điều chỉnh giảm lãi suất huy động với mức giảm cao nhất 0,4%/năm. Kỳ hạn 1-2 tháng giảm 0,4%/năm còn 2,7%/năm; kỳ hạn 03 - 05 tháng giảm 0,3%/năm còn 3,1%/năm; 06 - 11 tháng còn 4,1%/năm. Lãi suất kỳ hạn 12 - 18 tháng là 5%/năm. Trước đó, ngân hàng BIDV 2 lần điều chỉnh lãi suất vào ngày 11/12 và 12/12.

VietinBank điều chỉnh giảm tới 0,6%/năm với các kỳ hạn dưới 06 tháng. Lãi suất ngân hàng này chỉ còn 2,6%/năm đối với kỳ hạn 01-02 tháng và 3%/năm đối với kỳ hạn 03-05 tháng.

Đối với kỳ hạn 6-11 tháng, mức giảm là 0,5%/năm xuống chỉ còn 4%/năm, 12-18 tháng giảm 0,3%/năm xuống còn 5%/năm. Kỳ hạn từ 24 tháng trở lên giữ nguyên 5,5%/năm. Đây cũng là mức lãi suất tiền gửi cao nhất tại nhà băng này.

Trước đó, trong nhóm Big 4 chỉ có Vietcombank là ngân hàng duy nhất duy trì mức lãi suất huy động thấp hơn hẳn. Và sau đợt điều chỉnh của 03 ngân hàng này, hiện lãi suất tiết kiệm ngân hàng Vietcombank thấp nhất nhóm Big4 và thị trường. Kỳ hạn 1-2 tháng tại Vietcombank là 2,2%/năm, 3-5 tháng là 2,5%/năm, 6-11 tháng là 3,5%/năm, 12-18 tháng là 4,8%/năm.

Biểu lãi suất niêm yết tại quầy của các ngân hàng 13/12:

Ngân hàng	Kỳ hạn 03 tháng	Kỳ hạn 06 tháng	Kỳ hạn 12 tháng	Kỳ hạn 24 tháng
Agribank	3,0	4,0	5,0	5,3
Vietcombank	2,7	3,77	4,8	4,8
Vietinbank	3,0	4,0	5,0	5,3
BIDV	3,0	4,0	5,0	5,3
AB Bank	3,65	4,0	4,2	4,1
ACB	3,4	4,5	4,6	4,6
Bắc Á Bank	3,8	5,0	5,3	5,65
Bảo Việt Bank	4,45	5,2	5,5	6,0
CB Bank	4,2	5,6	5,9	6,0
Đông Á Bank	3,9	4,9	5,4	5,6
Eximbank	3,7	4,6	5,3	5,5
HD Bank	3,15	5,3	5,5	6,2
GP Bank	3,97	4,9	5,1	5,2
Hong Leong Bank	2,0	3,5	3,5	3,5

Kiên Long Bank	4,35	5,2	5,5	6,0
LP Bank	3,7	4,8	5,3	6,1
MBBANK	3,3	4,5	4,9	6,2
MSB	3,3	4,5	5,1	5,8
Nam Á Bank	4,0	4,7	5,0	5,9
NCB	4,25	5,2	5,55	5,85
OCB	3,9	5,0	5,3	6,2
Oceanbank	4,5	5,4	5,7	5,7
PG Bank	3,6	4,6	5,5	5,9
PVCombank	3,65	5,3	5,4	5,7
Sacombank	3,6	4,5	4,8	4,95
Saigonbank	3,5	4,9	5,4	5,6
SCB	3,7	4,7	5,4	5,4
SeABank	4,0	4,4	4,9	5,15
SHB	3,7	5,1	5,4	6,1
Techcombank	3,5	4,5	4,7	4,7
TPBank	3,8	4,6	4,6	6,0
VBBank	3,9	5,3	5,7	6,1
VIB	3,8	4,9	5,2	5,5
Việt Á Bank	4,1	5,1	5,4	5,8
Vietcapitalbank	4,3	5,5	5,7	5,85
VPBank	3,75	4,8	5,3	4,9

PV (t/h)